

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ XU HƯỚNG
SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2014**

DN số:
Ghi trùng với mã số đã ghi ở
phiếu 1A/ĐTDN

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG DOANH NGHIỆP

1. Tên doanh nghiệp: Mã tỉnh/TP
CQ Thống kê ghi

2. Địa chỉ (Tỉnh/TP):

Mã số thuế

3. Loại hình doanh nghiệp

- DN nhà nước (nhà nước chiếm trên 50% vốn trở lên)
- DN ngoài nhà nước
- DN có vốn đầu tư nước ngoài

4. Ngành sản xuất kinh doanh chính:

Mã ngành kinh tế (cấp 5)
CQ Thống kê ghi

PHẦN II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2014

5. Trong năm 2013, doanh nghiệp có phải ngừng hoạt động SXKD không?

- Có
- Không → chuyên đến câu 8

6. Nếu có thì thời gian doanh nghiệp ngừng hoạt động là bao nhiêu tháng: Tháng

7. Nguyên nhân chính làm cho doanh nghiệp phải ngừng hoạt động là gì?

(Đánh dấu x vào một hoặc nhiều nguyên nhân lựa chọn phù hợp)

- a) Hàng tồn kho cao
- b) Không vay được vốn
- c) Không tìm được thị trường đầu ra
- d) Giá cả nguyên vật liệu đầu vào cao
- e) Không tuyển dụng được lao động theo yêu cầu
- g) Môi trường kinh tế vĩ mô không ổn định
- h) Lý do khác... (ghi rõ)

8. Đánh giá tình hình SXKD của doanh nghiệp trong năm 2013 so với năm 2012:*(Đánh dấu x vào 01 ô lựa chọn phù hợp nhất cho từng yếu tố)*

	Tăng trên 20%	Tăng từ 10 đến 20%	Tăng dưới 10%	Không tăng, không giảm	Giảm dưới 10%	Giảm từ 10-20%	Giảm trên 20%
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1. Lao động							
2. Vốn kinh doanh							
3. Doanh thu thuần							
4. Lợi nhuận trước thuế							
5. Kim ngạch xuất khẩu							

9. Kế hoạch của doanh nghiệp năm 2014:

- a) Mở rộng sản xuất kinh doanh → Chuyển đến 9.1
- b) Sản xuất kinh doanh bình thường → Chuyển đến câu 10
- c) Giảm qui mô sản xuất kinh doanh → Chuyển đến câu 9.2
- d) Tạm dừng hoạt động → Chuyển đến câu 9.2
- e) Đóng cửa, giải thể → Chuyển đến câu 9.2

9.1 Lý do doanh nghiệp mở rộng kinh doanh (Đánh dấu x vào một hoặc nhiều lý do lựa chọn phù hợp)

- a) Triển vọng kinh tế của Việt Nam/thế giới thuận lợi
- b) Mở cửa thị trường và cải cách do Việt nam gia nhập WTO và tham gia các hiệp định thương mại quốc tế khác
- c) Cơ hội xuất khẩu ra nước ngoài gia tăng
- d) Thị trường trong nước tăng trưởng mạnh
- e) Nhà nước có chính sách ưu đãi về thuế
- f) Môi trường pháp lý được cải thiện
- g) Việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tăng cường chống hàng giả hàng nhái được cải thiện
- h) Sản có lao động có tay nghề với chi phí cạnh tranh
- k) Cơ sở hạ tầng được cải thiện
- m) Nhà nước có nhiều chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp
- n) Khả năng huy động vốn được cải thiện
- o) Tiêu thụ thuận lợi/Hàng tồn kho giảm

9.2 Lý do doanh nghiệp giảm/tạm dừng/đóng cửa, giải thể hoạt động sản xuất kinh doanh là gì?*(Đánh dấu x vào một hoặc nhiều lý do lựa chọn phù hợp)*

- a) Hàng tồn kho cao
- b) Không vay được vốn
- c) Không tìm được thị trường đầu ra
- d) Giá cả nguyên vật liệu đầu vào cao
- e) Không tuyển dụng được lao động theo yêu cầu
- f) Doanh nghiệp muốn chuyển sang ngành nghề sản xuất kinh doanh khác
- g) Môi trường kinh tế vĩ mô không ổn định
- h) Lý do khác(ghi rõ).....

10. Dự kiến tình hình hoạt động SXKD của doanh nghiệp năm 2014 so với năm 2013:
(Đánh dấu x vào 01 ô lựa chọn phù hợp nhất cho từng yếu tố)

	Tăng trên 20%	Tăng từ 10 đến 20%	Tăng dưới 10%	Không tăng, không giảm	Giảm dưới 10%	Giảm từ 10-20%	Giảm trên 20%
1. Lao động							
2. Vốn kinh doanh							
3. Doanh thu thuần							
4. Lợi nhuận trước thuế							
5. Kim ngạch xuất khẩu							

Phần III. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

11. Đề nghị Doanh nghiệp cho biết điều nào sau đây tác động đến công việc SXKD của doanh nghiệp năm 2013 so với 2012. Đánh giá mức độ tác động theo thang điểm như sau:

1 = Tốt lên, 2 = Không đổi; 3 = Kém đi, K = Không biết
(Khoanh tròn một lựa chọn cho mỗi dòng)

	<u>Mức độ tác động</u>			Không biết
A. Điều kiện hạ tầng tiện ích (điện, nước, xử lý nước thải)	1	2	3	K
B. Điều kiện hạ tầng giao thông (đường bộ, hàng không)	1	2	3	K
C. Nhu cầu thị trường trong nước	1	2	4	K
D. Nhu cầu thị trường nước ngoài	1	2	4	K
G. Quản lý thuế	1	2	3	K
H. Trình độ và kỹ năng của lao động hiện có	1	2	3	K
I. Tiếp cận nguồn vốn	1	2	3	K
K. Tiếp cận nguồn thông tin về thị trường, công nghệ	1	2	3	K
L. Việc cấp đất và giải phóng mặt bằng cho mở rộng sản xuất	1	2	3	K
M. Hệ thống pháp lý và giải quyết tranh chấp	1	2	3	K

12. Điều nào sau đây tác động đến công việc SXKD của doanh nghiệp năm 2014 so với 2013. Đánh giá mức độ tác động theo thang điểm như sau:

1 = Tốt lên, 2 = Không đổi; 3 = Kém đi, K = Không biết
(Khoanh tròn một lựa chọn cho mỗi dòng)

	<u>Mức độ tác động</u>			Không biết
A. Điều kiện hạ tầng tiện ích (điện, nước, xử lý nước thải)	1	2	3	K
B. Điều kiện hạ tầng giao thông (đường bộ, hàng không)	1	2	3	K
C. Nhu cầu thị trường trong nước	1	2	4	K
D. Nhu cầu thị trường nước ngoài	1	2	4	K
G. Quản lý thuế	1	2	3	K
H. Trình độ và kỹ năng của lao động hiện có	1	2	3	K
I. Tiếp cận nguồn vốn	1	2	3	K
K. Tiếp cận nguồn thông tin về thị trường, công nghệ	1	2	3	K
L. Việc cấp đất và giải phóng mặt bằng cho mở rộng sản xuất	1	2	3	K
M. Hệ thống pháp lý và giải quyết tranh chấp	1	2	3	K

13. Hiện doanh nghiệp có vay vốn để sản xuất kinh doanh không?

1 có 2 không → chuyển đến câu 17

Nếu có, thì doanh nghiệp vay vốn từ nguồn nào? (có thể lựa chọn nhiều khả năng trả lời):

- 1 Ngân hàng thương mại (NHTM) nhà nước
- 2 Ngân hàng thương mại có vốn đầu tư nước ngoài
- 3 Ngân hàng thương mại ngoài nhà nước
- 4 Cá nhân, bạn bè, người thân
- 5 Khác (ghi cụ thể):.....

14. Số vốn vay đáp ứng được bao nhiêu % nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp?

(Khoanh tròn một khả năng trả lời phù hợp nhất)

1. Dưới 25% 2. Từ 25% - 50% 3. Trên 50% -75% 4. Trên 75%

15. Mức lãi suất bình quân năm của các khoản vay từ các NHTM hiện tại của doanh nghiệp là bao nhiêu?

(Khoanh tròn một khả năng trả lời phù hợp nhất)

1. Dưới 6% 2. 6-7% 3. > 7-8% 4. > 8-9% 5. > 9-10% 6. > 10-11%
7. >11-12% 8. > 12-13% 9. > 13-14% 10. > 14%-15% 11. > 15% - 16% 12. > 16%

16. Mức lãi vay bình quân năm hiện nay mà doanh nghiệp có thể chấp nhận được là:.....%

17. Lý do doanh nghiệp không vay vốn từ ngân hàng thương mại để sản xuất kinh doanh?

(có thể khoanh tròn nhiều câu trả lời phù hợp):

- | | |
|--|---|
| 1 Không có nhu cầu | 5 Phải trả thêm các chi phí khác ngoài lãi suất |
| 2 Thủ tục phức tạp, mất nhiều thời gian hoàn tất | 6 Không có đủ tài sản thế chấp |
| 3 Lãi suất quá cao | 7 DN có khả năng huy động vốn ở các kênh khác |
| 4 Vốn tự có để đối ứng không đáp ứng yêu cầu của ngân hàng | 8 Khác (ghi cụ thể)..... |

18. Nếu có nhu cầu huy động vốn để SXKD, nắm bắt cơ hội đầu tư, doanh nghiệp sẽ lựa chọn huy động vốn từ các nguồn nào là chính? (Khoanh tròn vào 2 nguồn chính nhất).

- 1 Vay vốn của các ngân hàng thương mại Nhà nước
- 2 Vay vốn của các ngân hàng thương mại nước ngoài
- 3 Vay vốn của các ngân hàng thương mại ngoài nhà nước
- 4 Huy động vốn từ các Quỹ đầu tư tư nhân
- 5 Vay vốn của bạn bè, người thân
- 6 Phát hành trái phiếu doanh nghiệp
- 7 Thành lập công ty đại chúng/IPO
- 8 Thuê mua (Leasing)
- 9 Phương thức khác (ghi cụ thể):.....

19. Đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp(ghi rõ):

Ngày.....tháng.....năm 2014

Giám đốc doanh nghiệp

Ký tên (Đóng dấu)

GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU SỐ 1A.11/ĐTĐN-XH
PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
VỀ XU HƯỚNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Phần I. Thông tin chung về Doanh nghiệp

(Giải thích tương tự phiếu 1A/ĐTĐN -DN)

Phần II. Tình hình SXKD năm 2013 và dự kiến năm 2014

Câu 5: Trong năm 2013, Doanh nghiệp có phải ngừng hoạt động SXKD không (*Chỉ chọn 1 trong 2 mã*).

- Nếu chọn “*có*” thì hỏi tiếp câu 6 và 7;
- Nếu chọn “*không*” thì chuyển đến câu 8.

Câu 6: Thời gian Doanh nghiệp ngừng hoạt động là bao nhiêu tháng: Số tháng ≤ 24 .

Câu 7: Nguyên nhân chính làm cho Doanh nghiệp phải ngừng hoạt động (*Chọn 1 hoặc nhiều mã từ “a...h”*); nếu chọn mã “*h- Lý do khác*” thì ghi rõ lý cụ thể .

Câu 8: Đánh giá tình hình SXKD của Doanh nghiệp trong năm 2013 so với năm 2012

Câu 8.1 “*Lao động*”, 8.2 “*Vốn SX kinh doanh*”, 8.3 “*Doanh thu thuần*” và 8.4 “*Lợi nhuận trước thuế*”: (*Chỉ chọn 1 cột trong 7 cột*);

Câu 8.5 “*Kim ngạch xuất khẩu*” Nếu Doanh nghiệp có xuất khẩu thì chọn 1 cột trong 7 cột; Nếu Doanh nghiệp không có xuất khẩu thì để trống dòng này.

Câu 9: Kế hoạch của Doanh nghiệp năm 2014(*Chỉ chọn 1 mã từ “a...e”*)

- Nếu chọn “*a-Mở rộng SXKD*” thì hỏi tiếp câu 9.1;
- Nếu chọn “*b-SXKD bình thường*” thì chuyển đến câu 10;
- Nếu chọn “*c-Giảm qui mô SXKD*” thì chuyển đến câu 9.2;
- Nếu chọn “*d-Tạm dừng hoạt động*” thì chuyển đến câu 9.2;
- Nếu chọn “*e-Đóng cửa giải thể*” thì chuyển đến câu 9.2.

Câu 9.1: Lý do Doanh nghiệp mở rộng SXKD (*Chọn 1 hoặc nhiều mã từ “a...o”*).

Câu 9.2: Lý do Doanh nghiệp mở rộng SXKD (*Chọn 1 hoặc nhiều mã từ “a...h”*) ; nếu chọn mã “*h- Lý do khác*” thì ghi rõ lý cụ thể .

Câu 10: Dự kiến tình hình SXKD của Doanh nghiệp năm 2014 so với năm 2013

Câu 10.1 “*Lao động*”, 10.2 “*Vốn SX kinh doanh*”, 10.3 “*Doanh thu thuần*” và 10.4 “*Lợi nhuận trước thuế*”: (*Chỉ chọn 1 cột trong 7 cột*);

Câu 10.5 “*Kim ngạch xuất khẩu*” Nếu Doanh nghiệp có xuất khẩu thì chọn 1 cột trong 7 cột; Nếu Doanh nghiệp không có xuất khẩu thì để trống dòng này.

Phần III. Môi trường kinh doanh

Câu 11: Doanh nghiệp cho biết điều nào sau đây tác động đến công việc SXKD của Doanh nghiệp **năm 2013 so với 2012** (*Trong mỗi dòng từ A ... M chỉ khoanh tròn 1 lựa chọn: hoặc là 1, hoặc là 2, hoặc là 3, hoặc là K*).

Câu 12: Điều nào sau đây tác động đến công việc SXKD của Doanh nghiệp **năm 2014 so với 2013** (*Trong mỗi dòng từ A ... M chỉ khoanh tròn 1 lựa chọn: hoặc là 1, hoặc là 2, hoặc là 3, hoặc là K*).

Câu 13: Hiện Doanh nghiệp có vay vốn để SXKD không (*Chỉ chọn 1 trong 2 mã*).

- Nếu chọn “*có*” thì hỏi tiếp câu 14, 15, 16 và 17;
- Nếu chọn “*không*” thì chuyển đến câu 17.

Từ câu 13.1 đến câu 13.5 có thể chọn nhiều khả năng trả lời; Riêng câu 13.5-Khác phải ghi cụ thể.

Câu 14: Số vốn vay đáp ứng được bao nhiêu % nhu cầu vay vốn của Doanh nghiệp (*Chỉ chọn 1 mã trong 4 mã từ “14.1 ...14.4”*).

Câu 15: Mức lãi suất bình quân của các khoản vay từ các ngân hàng thương mại hiện tại của Doanh nghiệp (*Chỉ chọn 1 mã trong 12 mã từ “15.12...15.12”*).

Câu 16: Mức lãi vay bình quân năm hiện nay mà Doanh nghiệp có thể chấp nhận được (*Bao nhiêu % /năm*).

Câu 17: Lý do Doanh nghiệp không vay vốn từ ngân hàng thương mại để SXKD (*Chọn 1 hoặc nhiều mã từ “17.1...17.8”*); Riêng mã 17.8- Khác phải ghi cụ thể.

Câu 18: Nếu có nhu cầu huy động vốn để SXKD, nắm bắt cơ hội đầu tư, Doanh nghiệp sẽ lựa chọn huy động vốn từ các nguồn nào là chính

(*Lựa chọn 2 mã là nguồn chính nhất trong các mã từ “18.1...18.9”*); Riêng mã 18.9- Phương thức khác phải ghi cụ thể.

Câu 19: Đề xuất, kiến nghị chính sách của Doanh nghiệp (*Doanh nghiệp có đề xuất hoặc kiến nghị gì cần ghi vào đây*).